

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƯ THANH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST.

Ngày: 01 - 12 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Huy Hoàng
2. Ông Nguyễn Ngọc Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1976

Trú tại: số nhà 72, tiểu khu 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

**Bị đơn:** Ông **Nguyễn Tiến D** - Sinh năm 1975

Nơi ĐKKHKT: số nhà 26 T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi làm việc: Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Nguyễn Đức T** - Sinh năm 1968

Trú tại: số nhà 72, tiểu khu 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

- Bà **Nguyễn Thị Kim C** - Sinh năm 1980

Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2021, trong biên bản hòa giải thành ngày 19/8/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức T trình bày:

Vào ngày 23/12/2017 gia đình bà Nguyễn Thị T cho ông Nguyễn Tiến D cư trú tại số nhà 26 T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, thời điểm đó công tác tại Tòa án nhân dân huyện H vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay là để lo công việc gia đình, lãi suất 3%/tháng (36%/năm), nhưng không ghi mức lãi suất vào giấy vay tiền. Đến hạn, bà T đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông D không trả nợ cho gia đình bà. Trong thời gian vay ông D có trả cho bà được 17.000.000 đồng tiền lãi. Do vậy bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D phải trả cho bà 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất là 20%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà T đã nộp cho Tòa án giấy vay tiền mặt ngày 23/12/2017, biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, đơn yêu cầu thay đổi nội dung thỏa thuận và các chứng cứ khác liên quan đến nhân thân người khởi kiện.

Tại văn bản ý kiến của bị đơn ngày 24/6/2021 và trong biên bản hòa giải thành ngày 19/8/2021, ông Nguyễn Tiến D chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông trình bày: Năm 2017 ông có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân, lãi suất theo thỏa thuận. Quá trình vay, ông D có trả cho bà T được 17.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó do khó khăn trong cuộc sống nên đến nay ông chưa trả được tiền gốc cho bà T. Nay bà T khởi kiện ra Tòa án để đòi số tiền gốc và tiền lãi, ông chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 05/8/2021 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/9/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức T (chồng bà T) trình bày: Ông không trực tiếp cho ông D vay tiền nhưng ông biết bà T (vợ ông) cho ông D vay 100.000.000 đồng, đến nay chưa trả, số tiền bà T cho ông D vay là tài sản chung của vợ chồng ông. Ông yêu cầu ông D trả nợ cho bà T như bà T đã trình bày.

Tại phiên hòa giải ngày 19/8/2021, giữa bà T, ông T và ông D đã thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

- *Về khoản nợ:* Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức T và Ông Nguyễn Tiến D thống nhất: Vào ngày 23/12/2017 ông D có vay của bà T tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày vay; lãi suất các bên thống nhất lại là 20%/ năm. Đây là khoản vay riêng của ông D.

- *Về quá trình trả nợ:* Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Tiến D thống nhất: Ông D đã trả cho bà T được 17.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả được nợ gốc. Số tiền ông D còn nợ bà T là 156.000.000 đồng, bao gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 56.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/8/2021.

- *Về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Tiến D thống nhất không yêu cầu xem xét, áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- *Về nghĩa vụ trả nợ:* Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Tiến D thống nhất: Ông D có trách nhiệm trả nợ cho bà T tổng số tiền nợ là 156.000.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu đồng); bao gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 56.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/8/2021.

- *Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án:* Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Tiến D thống nhất: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 12%/năm.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Tiến D thống nhất: Ông D chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, ngày 24/8/2021, bà T có đơn yêu cầu thay đổi nội dung thỏa thuận. Theo đó, bà đề nghị vợ ông D là bà Nguyễn Thị Kim C liên đới với ông D trả nợ cho gia đình bà; về lãi suất chậm trả, bà yêu cầu mức lãi suất chậm trả tương ứng với 1,5% tháng (18%/năm) thay vì 12%/năm như đã thỏa thuận.

Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 11/11/2021, ông Nguyễn Tiến D chấp nhận mọi yêu cầu của bà T về số tiền gốc và lãi sau khi bà có đơn thay đổi nội dung đã thỏa thuận. Tuy nhiên, ông khẳng định số tiền ông vay là để sử dụng vào mục đích cá nhân, vợ ông là bà C không biết việc ông vay tiền bà T; vì vậy đây là khoản nợ riêng của ông.

Tại bản tự khai ngày 29/9/2021, bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà không biết việc ông D vay tiền của bà T để chi tiêu vào việc gì. Gia đình bà không được hưởng lợi từ khoản tiền ông D vay của bà T. Bà cũng không được ông D hay bà T thông báo về khoản vay. Mặt khác, bản thân bà không ký vào giấy vay tiền. Do đó, bà không chấp nhận liên đới với ông D để trả tiền cho bà T.

Kèm theo bản tự khai, bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp cho Tòa án đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

***Tại phiên tòa hôm nay,*** ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị Kim C có đơn xin xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức T có mặt. Bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông D phải trả cho gia đình bà tổng cộng số tiền 161.771.689 đồng; trong đó: 100.000.000 đồng tiền gốc, 61.771.689 đồng tiền lãi theo lãi suất 20%/năm tính từ ngày 24/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/12/2021 (tổng số 78.771.689 đồng tiền lãi trừ đi 17.000.000 đồng ông D đã trả trước đó).

***Phản tranh luận:*** Không ai có tranh luận.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D phải trả tiền nợ gốc cho bà T là 100.000.000 đồng, bà C không phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ và tiền lãi từ ngày vay 23/12/2017 đến ngày xét xử với lãi suất là 20%/năm. Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi làm việc tại huyện Như Thanh, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự về thời hiệu khởi kiện.

[3] Về sự vắng mặt của ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị Kim C: ông D và bà C đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt vụ án; vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

#### *Về nội dung:*

[4] Hợp đồng vay tài sản ngày 23/12/2017 giữa bà T với ông D đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ Luật Dân sự nên hợp đồng có hiệu lực. Trong giấy vay tiền mặt không có ghi tên ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Kim C. Bà T và ông T thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Bà C không chấp nhận đây là khoản nợ chung, việc ông D vay bà không biết, bà cũng không ký vào giấy vay tiền mặt và cũng không được hưởng lợi gì từ khoản vay này. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân Gia đình, hợp đồng không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với bà C mà chỉ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên vay là ông Nguyễn Tiến D và quyền nghĩa vụ của bên cho vay là bà Nguyễn Thị T và người có nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức T. Vì vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức T về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải liên đới trách nhiệm trả nợ cùng ông Nguyễn Tiến D.

[5] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Bên vay tài sản là ông D đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên HĐXX xét thấy cần buộc ông D thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 351; 466 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự, HĐXX xét thấy tính pháp lý đối với các yêu cầu của phía nguyên đơn, đã được bị đơn chấp nhận toàn bộ như sau:

- Khoản tiền gốc 100.000.000 đồng là tiền ông D vay của bà T nên buộc ông D phải trả cho bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự là phù hợp.

- Số tiền lãi theo lãi suất các bên đã thống nhất (20%/năm) tính từ ngày 23/12/2017 đến ngày 01/12/2021 (03 năm 11 tháng 8 ngày) là:  $20\% \times 100.000.000 \times 3 + 20\%/12 \times 100.000.000 \times 11 + 20\%/365 \times 100.000.000 \times 8 = 78.771.689$  đồng. Ông D đã trả cho bà T 17.000.000 đồng tiền lãi; số tiền lãi ông D còn phải trả cho bà T là 61.771.689 đồng. Mức lãi suất này không trái với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 và không vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[7] Về thời điểm trả nợ theo yêu cầu trong đơn đề nghị thay đổi nội dung đã thỏa thuận của nguyên đơn: Hai bên không thỏa thuận ngày trả nợ cụ thể nên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ trả nợ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì người có nghĩa vụ trả nợ phải chịu lãi chậm thi hành án.

[8] Về lãi chậm thi hành án: Bị đơn chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn về lãi chậm thi hành án là 18%/năm. Mức lãi suất này không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] *Về án phí*: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ nên nguyên đơn không phải chịu án phí; ngược lại, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội

[10] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ* vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117; Điều 351; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

*Chấp nhận* yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T cụ thể như sau:

*Buộc* ông Nguyễn Tiến D phải trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền: 161.771.689 đồng (một trăm sáu mươi một triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng); bao gồm: 100.000.000 đồng tiền gốc và 61.771.689 đồng tiền lãi. Bà Nguyễn Thị Kim C không phải liên đới trả nợ với ông Nguyễn Tiến D.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 18%/năm.

*Về án phí:* Ông Nguyễn Tiến D phải chịu 8.088.584 đồng (tám triệu không trăm tám mươi tám nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000 đồng (ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0005267 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

***Lê Đình Huy***